

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

\*

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 10 năm 2020

**ĐIỂM THI**

PHẦN IV: ĐƯỜNG LỐI, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VN VỀ CÁC  
LĨNH VỰC CỦA ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

**LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 49, TẠI TRƯỜNG**

| STT | Họ và tên            | Số<br>BD | Số<br>phách | Điểm<br>thi | Bảng chữ | Ghi chú  |
|-----|----------------------|----------|-------------|-------------|----------|----------|
| 1   | Đỗ Tú Anh            | 1        | 16          | 7.0         | Bảy      |          |
| 2   | Lã Duy Anh           | 2        | 25          | 7.5         | Bảy rưỡi |          |
| 3   | Nguyễn Thị Lan Anh   | 3        | 32          | 7.5         | Bảy rưỡi |          |
| 4   | Đoàn Đức Bào         | 4        | 51          | 8.0         | Tám      |          |
| 5   | Lê Thị Bích          | 5        | 20          | 7.5         | Bảy rưỡi |          |
| 6   | Nguyễn Ngọc Bình     | 6        | 57          | 7.0         | Bảy      |          |
| 7   | Nguyễn Lệ Chi        | 7        | 29          | 7.0         | Bảy      |          |
| 8   | Vũ Thị Thùy Chi      | 8        | 46          | 8.0         | Tám      |          |
| 9   | Hoàng Thái Hoa Cương | 9        | 56          | 6.5         | Sáu rưỡi |          |
| 10  | Nguyễn Thị Dung      | 10       | 44          | 7.0         | Bảy      |          |
| 11  | Vũ Thị Hồng Đoan     | 11       | 38          | 8.0         | Tám      |          |
| 12  | Trịnh Phương Giang   | 12       | -           | -           | -        | Vắng thi |
| 13  | Nguyễn Thanh Giang   | 13       | 36          | 7.0         | Bảy      |          |
| 14  | Hồ Thị Hà            | 14       | 22          | 7.5         | Bảy rưỡi |          |
| 15  | Khâu Lê Hà           | 15       | 48          | 8.0         | Tám      |          |
| 16  | Nguyễn Thị Minh Hằng | 16       | 09          | 8.0         | Tám      |          |
| 17  | Trịnh Thị Minh Hảo   | 17       | 47          | 8.0         | Tám      |          |
| 18  | Vũ Thị Thanh Hảo     | 18       | 55          | 6.5         | Sáu rưỡi |          |
| 19  | Phạm Thị Như Hoa     | 19       | 41          | 7.5         | Bảy rưỡi |          |
| 20  | Nông Thị Ngọc Hoa    | 20       | 10          | 7.0         | Bảy      |          |
| 21  | Nguyễn Huy Hoàng     | 21       | 60          | 7.0         | Bảy      |          |



| STT | Họ và tên             | Số<br>BD | Số<br>phách | Điểm<br>thi | Bằng chữ | Ghi chú |
|-----|-----------------------|----------|-------------|-------------|----------|---------|
| 22  | Đinh Nho Hội          | 22       | 34          | 7.0         | Bảy      |         |
| 23  | Phạm Văn Hùng         | 23       | 43          | 8.0         | Tám      |         |
| 24  | Đỗ Quốc Hương         | 24       | 58          | 7.0         | Bảy      |         |
| 25  | Phạm Thị Hương        | 25       | 04          | 7.0         | Bảy      |         |
| 26  | Phạm Thu Hường        | 26       | 40          | 7.0         | Bảy      |         |
| 27  | Đồng Duy Khánh        | 27       | 50          | 8.0         | Tám      |         |
| 28  | Nguyễn Văn Khánh      | 28       | 42          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 29  | Đào Thị Khuyên        | 29       | 39          | 8.0         | Tám      |         |
| 30  | Nguyễn Thị Phương Lan | 30       | 35          | 7.0         | Bảy      |         |
| 31  | Bùi Thị Lập           | 31       | 28          | 8.0         | Tám      |         |
| 32  | Nguyễn Ngọc Mạnh      | 32       | 45          | 8.0         | Tám      |         |
| 33  | Nông Văn Mẫn          | 33       | 26          | 7.0         | Bảy      |         |
| 34  | Nguyễn Thị Thanh Mến  | 34       | 37          | 8.0         | Tám      |         |
| 35  | Nguyễn Thị Ngọc Mỹ    | 35       | 54          | 8.0         | Tám      |         |
| 36  | Đỗ Thị Bích Ngọc      | 36       | 17          | 8.0         | Tám      |         |
| 37  | Lê Thị Bích Ngọc      | 37       | 12          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 38  | Vũ Thị Nhu            | 38       | 33          | 8.0         | Tám      |         |
| 39  | Lương Thị Tuyết Nhung | 39       | 03          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 40  | Nguyễn Thị Hồng Ninh  | 40       | 11          | 8.0         | Tám      |         |
| 41  | Nguyễn Trường Phú     | 41       | 31          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 42  | Phạm Thị Phụng        | 42       | 53          | 7.0         | Bảy      |         |
| 43  | Nguyễn Thị Phụng      | 43       | 23          | 8.0         | Tám      |         |
| 44  | Trương Đăng Quang     | 44       | 02          | 8.0         | Tám      |         |
| 45  | Lương Thị Quyên       | 45       | 15          | 8.0         | Tám      |         |
| 46  | Nguyễn Định Thành     | 46       | 05          | 7.0         | Bảy      |         |
| 47  | Lê Xuân Thành         | 47       | 18          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 48  | Nguyễn Trung Thành    | 48       | 27          | 7.0         | Bảy      |         |
| 49  | Nguyễn Thị Thoa       | 49       | 13          | 8.0         | Tám      |         |

| STT | Họ và tên                | Số<br>BD | Số<br>phách | Điểm<br>thi | Bằng chữ | Ghi chú |
|-----|--------------------------|----------|-------------|-------------|----------|---------|
| 50  | Bùi Thị Phương Thu       | 50       | 06          | 8.0         | Tám      |         |
| 51  | Đông Văn Thường          | 51       | 21          | 7.0         | Bảy      |         |
| 52  | Nguyễn Thị Tân Tiến      | 52       | 08          | 8.0         | Tám      |         |
| 53  | Thân Văn Tiệp            | 53       | 30          | 6.5         | Sáu rưỡi |         |
| 54  | Nguyễn Anh Tú            | 54       | 49          | 7.0         | Bảy      |         |
| 55  | Nguyễn Anh Tuấn (A-1976) | 55       | 01          | 7.0         | Bảy      |         |
| 56  | Nguyễn Anh Tuấn (B-1965) | 56       | 52          | 7.0         | Bảy      |         |
| 57  | Nguyễn Văn Tuấn          | 57       | 24          | 7.0         | Bảy      |         |
| 58  | Vương Cẩm Vân            | 58       | 59          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 59  | Phạm Thị Hải Yến         | 59       | 14          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 60  | Chu Việt Hà              | 62       | 19          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 61  | Nguyễn Thị Ngọc Lan      | 61       | 07          | 8.0         | Tám      |         |

**PHÒNG QLĐT&NCKH  
TRƯỞNG PHÒNG**



**Nguyễn Thị Hồng Mây**

**KHOA XDĐ  
TRƯỞNG KHOA**



**Ngô Thị Hồng Nhung**

**K/T HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Phạm Minh Chuyên**